TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2024/HC-PT
Ngày: 19/7/2024
V/v: "*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**

Bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Ông **Trần Viết Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 140/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc "*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 62/2023/HC-ST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1372/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trịnh D, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

+ Bà Phạm Thị Bích C, sinh năm 1988; địa chỉ: Phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

+ Bà Phạm Thị Phương T, sinh năm 1994; địa chỉ: Phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

+ Bà Diệp Thị Mỹ H1, sinh năm 1996; địa chỉ: E N, phường H, H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp hợp pháp cho ông Trịnh D: Ông Nguyễn Doãn H2, Luật sư Công ty TNHH MTV Q; địa chỉ: E N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc L - Chủ tịch UBND huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn B - Chủ tịch UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Trịnh Thị T1, sinh năm 1946 và ông Nguyễn Ân . Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị T1*:* Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1996; địa chỉ: KDC số I, thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trịnh Thị T1*:* Ông Trần Việt N1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ: Số F P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. Bà Trịnh Thị A, sinh năm 1946; địa chỉ: KDC số I, thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Trịnh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, ông*** Trịnh D ***và người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Nguyên trước đây, cha ông Trịnh D là ông Trịnh P, sinh năm 1917, mất năm 1989 có tạo lập được thửa đất 4 sào (bốn sào) khoảng 2.000m^2, Nam giáp đường liên xóm, Tây giáp nhà bà S, Đ giáp nhà bà L1, B1 giáp nhà bà T2, tại địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi làm nhà ở và sinh sống từ đó mãi đến nay.

Vào những năm thập niên 1960-1970, lúc này chiến tranh tàn phá, mất an ninh nên nhiều gia đình không có chỗ ở trong đó có gia đình bác ông là ông Trịnh K cách nhà ông khoảng 500m nhà ở ngoài xóm, nên gia đình ông có cho gia đình ông Trịnh K đến ở một góc nhỏ trong khu vườn nhà ông. Đến năm 1963, bác ông là ông Trịnh K chết; đến năm 1965 chị dâu ông có chồng khác; ông có 3 người con tên là: Trịnh L2, sinh năm 1942, mất năm 1968; chị Trịnh Thị T1 (R) sinh năm: 1946 lúc này đi tản cư trên sân bay và sau đó có chồng và theo chồng từ năm 1970 về thôn Đ, xã Đ ở từ đó mãi đến nay; chị Trịnh Thị N2 (R), sinh năm 1950 kể từ khi mẹ chị đi lấy chồng khác nên chị có ở với ông Huỳnh K1 một thời gian đến năm 1973 chị có chồng về thôn V cùng xã và ở từ đó mãi đến nay.

Đối với ông Huỳnh K2 là người con nuôi của ông nội ông (cha mẹ ông có cho ở tạm) ông làm một xum nhà nhỏ ở trong góc vườn vì ông không có vợ con, năm 1996 ông chết thì xum nhà xiêu vẹo sụp đổ, ông đã thu dọn nên không còn ai sinh sống trên mảnh đất này ngoài gia đình ông quản lý, sử dụng, canh tác từ đó đến nay. Thửa đất trên có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu tài sản của gia đình ông canh tác, sử dụng, quản lý, kê khai theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên vào ngày 24/11/2022 bà Trịnh Thị A là cháu ruột của bà Trịnh Thị T1 có hành vi gây sự, gây gổ, cản trở, khiếu kiện và được UBND xã Đ tổ chức hòa giải cho rằng: *"Ông* Trịnh D *xây dựng tường rào xung quanh bao chiếm luôn thửa đất của bà* Trịnh Thị T1*"*; lúc này ông mới biết và phát hiện bà Trịnh Thị T1 bằng cách nào mà được kê khai, đăng ký, được UBND huyện M cấp giấy CNQSD đất mang tên bà Trịnh Thị T1 ngày 18/10/2005 tại thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.043m^2, số vào sổ: H.11013, số phát hành: AD034191, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, nằm trong khuôn viên thửa đất, nhà cửa... của gia đình ông và ông cũng quá bất ngờ phát hiện qua cuộc họp này thì cán bộ địa chính xã thông qua thửa đất số 770, tờ bản đồ số 17, diện tích 780m^2, theo bản đồ kê khai 299 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00893QSDĐ/ 1128/QĐUB(H) do UBND huyện M cấp ngày 31/12/1997 nay là thửa đất số 105, tờ bản đồ số 7, diện tích 829m^2 mang tên ông Trịnh D. Tại vì ông chưa từng lập thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông nên ông có phát biểu: *"Thửa đất của gia đình tôi có nguồn gốc của cha mẹ tôi có từ trước năm 1954 mãi đến nay có diện tích 4 sào (bốn sào) (tương ứng với 2.000m^2). Nếu cộng hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích gần 2.000m^2 mà cấp cho bà* Trịnh Thị T1 *1.043m^2 là không đúng theo pháp luật. Vì đất của gia đình tôi trên đất có tài sản là nhà cửa, vườn tược..;* hơn nữa qua hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của bà Trịnh Thị T1 thì hồ sơ chỉ có duy nhất:

- Một là đơn: Đơn không có ngày tháng năm sinh, nguồn gốc sử dụng đất ông bà lưu hạ? Ông bà nào? Kèm theo đơn này có các giấy tờ (mục 4 và 5) không ghi rõ theo mẫu đơn, không có...

- Đối với ý kiến của cơ quan địa chính thuộc UBND cấp có thẩm quyền kiểm tra, xem xét, ghi nhận; về mức độ đầy đủ của hồ sơ, về sự chính xác, đủ điều kiện,

không đủ điều kiện, không ký tên đóng dấu, ngày tháng năm của thủ trưởng cơ quan địa chính. Nhưng được đóng dấu khống của Phòng T5.

- Hai là không có các văn bản theo quy định kèm theo như họp xét, công khai, niêm yết,...là trái với quy định về thông tư, Nghị định 181 năm 2004 của Chính phủ và Luật đất đai năm 2003 tương ứng với Luật đất đai năm 2013 về trình tự, thủ tục, kê khai, đăng ký cấp giấy CNQSD đất.

Vậy rõ ràng, nguồn gốc quyền sử dụng đất là của cha mẹ ông có trước năm 1954, không mua bán, tặng cho bất kỳ ai, quản lý, sử dụng từ đó mãi đến nay.

Đối với gia đình của bác ông là ông Trịnh K, trong giai đoạn thời kỳ chiến tranh có nhà ở riêng cách nhà ông hơn 500m nhưng được gia đình ông cho ở tạm đến năm 1973 thì về lại nhà cũ và đi nơi khác. Cũng như ông Huỳnh K2, ông sống một mình, không vợ con đến năm 1996 ông mất, như đã trình bày trên. Còn đối với bà Trịnh Thị T1 là con gái ông Trịnh K, có ở tạm, nhờ trên thửa đất của gia đình ông, đến năm 1970 có chồng về ở thôn Đ, xã Đ, huyện M ở mãi từ đó đến nay, nên bà không đủ điều kiện, không có quyền sử dụng để được kê khai, lập cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đối với các cơ quan chức năng của địa phương không thực hiện đúng trình tự, thủ tục, xác minh, điều tra, xem xét ... giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 18/10/2005 nhưng số mục kê thừa đất lập ngày 21/3/2006 không theo quy định của pháp luật đất đai dẫn đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 là không đúng theo quy định của pháp luật cần phải được hủy bỏ, ông không yêu cầu xử lý những cán bộ có sai phạm.

Thửa đất của ông có nhiều người làm chứng biết rõ sự việc nhà ở và đất liền kề của ông như: Trần Thị T3. Sinh năm 1999**.** Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Xác nhận đất của ông Trịnh P để lại cho con trai là ông Trịnh D ở và sử dụng là đúng; Trần Thị S1. Sinh năm: 1997**.** Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Xác nhận đất của ông Trịnh P để lại cho con trai là ông Trịnh D ở và sử dụng là đúng.

Như vậy căn cứ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính, Bộ luật Dân sự, các Luật Đất đai 2003, 2013, ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử tuyên hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện M cấp cho bà Trịnh Thị T1 ngày 18/10/2005 tại thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.043m^2, số vào sổ H111013, số phát hành AD034191, địa chỉ thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

**** Tại Văn bản số 1152/UBND-KT ngày 10/8/2023,*** UBND huyện M ***trình bày:***

Thửa đất số 771, tờ bản đồ số 17 (bản đồ 299/TTg) nay thuộc thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7 (bản đồ đo vẽ năm 2004) của xã Đ có nguồn gốc thuộc quyền sử dụng của ông Trịnh L3 để lại cho con trai là ông Trịnh P1 (Khá) quản lý, sử dụng

từ trước năm 1975. Năm 1975, ông Trịnh P1 (Khá) để lại cho con gái là bà Trịnh Thị T1 sử dụng. Năm 1976, bà Trịnh Thị T1 lập gia đình và theo chồng về ở xã Đ, huyện M, thửa đất trên bà T1 để lại cho ông Huỳnh K2 sử dụng tạm đến năm 1996 thì ông Huỳnh K2 chết, đất bà Trịnh Thị T1 tiếp tục sử dụng đến nay.

Thực hiện Dự án đa dạng hóa Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn xã Đ, bà Trịnh Thị T1 kê khai đăng ký và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 034191, số vào sổ H.11013, cấp ngày 18/10/2005, tại thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7 (bản đồ đo vẽ năm 2004), diện tích 1.043m^2, trong đó có 200m^2 đất ở lâu dài và 843m^2 đất trồng cây hàng năm khác và quản lý sử dụng đến nay.

Việc ông Trịnh D khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 034191, số vào sổ H.11013, cấp ngày 18/10/2005 cho bà Trịnh Thị T1 và ông Bùi Â, tại thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7 (bản đồ đo vẽ năm 2004), diện tích 1.043m^2; UBND huyện M, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

**** Tại Báo cáo số 160/BC-UBND ngày 07/8/2023,*** UBND xã Đ***,*** huyện M ***trình bày:***

Thửa đất số 771, tờ bản đồ số 17 (bản đồ 299/TTg) nay thuộc thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7 (bản đồ đo vẽ năm 2004) của xã Đ có nguồn gốc thuộc quyền sử dụng của ông Trịnh L3 để lại cho con trai là ông Trịnh P1 (Khá) quản lý, sử dụng từ trước năm 1975. Năm 1975, ông Trịnh P1 (Khá) để lại cho con gái là bà Trịnh Thị T1 sử dụng. Năm 1976, bà Trịnh Thị T1 lập gia đình và theo chồng về ở xã Đ, huyện M, thửa đất trên bà T1 để lại cho ông Huỳnh K2 sử dụng tạm đến năm 1996 thì ông Huỳnh K2 chết, đất bà Trịnh Thị T1 tiếp tục sử dụng đến nay.

Thực hiện Dự án đa dạng hóa Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn xã Đ, bà Trịnh Thị T1 kê khai đăng ký và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 034191, số vào sổ H.11013, cấp ngày 18/10/2005, tại thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7 (bản đồ đo vẽ năm 2004), diện tích 1.043m^2, trong đó có 200m^2 đất ở lâu dài và 843m^2 đất trồng cây hàng năm khác và quản lý sử dụng đến nay.

Năm 2022, bà Trịnh Thị T1 phát sinh tranh chấp đất đai với ông Trịnh D, vụ việc này đã được UBND xã Đ tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai vào ngày 24/11/2022, nhưng buổi hòa giải không thành.

Việc ông Trịnh D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 034191, số vào sổ H.11013, cấp ngày 18/10/2005 cho bà Trịnh Thị T1 và ông Bùi Â, tại thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7 (bản đồ đo vẽ năm 2004), diện tích 1.043m^2; UBND xã Đ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

**** Tại Văn bản trình bày ngày 10/8/2023 và ngày 25/12/2023 của bà*** Trịnh Thị T1***, ông*** Nguyễn Â1 ***và tại phiên tòa, ông*** Huỳnh Văn N ***là người đại diện***

theo ủy quyền của bà Trịnh Thị T1 ***và ông*** Trần Việt N1 ***là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà*** Trịnh Thị T1 ***trình bày:***

Thửa đất số 771, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.060m^2 (bản đồ 299), nay thuộc thửa đất số 967, tờ bản đồ số 07 (bản đồ đo vẽ năm 2004), diện tích 1.043m^2 (200m^2 đất ở và 843m^2 đất trồng cây hàng năm khác), xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc do ông Trịnh L3 để lại cho con trai là ông Trịnh P1 (Khá) quản lý, sử dụng từ trước năm 1975. Đến năm 1975, ông Trịnh P1 (Khá) để lại cho con gái là bà Trịnh Thị T1 sử dụng và xây dựng nhà để ở. Năm 1976, bà Trịnh Thị T1 lập gia đình với ông Nguyễn Â1 (sinh năm 1941) và theo chồng về sinh sống tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; thửa đất trên bà Trịnh Thị T1 để lại cho ông Huỳnh K2 sử dụng đến năm 1996 thì ông Huỳnh K2 chết và ngôi nhà cũng bị sụp đổ vào năm 2004. Sau khi ông Huỳnh K2 chết thì bà T1 tiếp tục sử dụng cho đến nay.

Năm 2021, ông Trịnh D đã xây dựng tường rào cổng ngõ bao chiếm luôn thửa đất trên và sử dụng cho đến nay.

Năm 2022, bà phát sinh tranh chấp đất đai với ông Trịnh D. Bản thân bà đã lớn tuổi và bị bệnh phải điều trị tại thành phố Hồ Chí Minh nên đã ủy quyền cho bà Trịnh Thị A (cháu ruột) trong quá trình tranh chấp đất với ông Trịnh D. Ngày 01/9/2022, tổ hòa giải thôn L đã tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà Trịnh Thị A (người được bà T1 ủy quyền) với ông Trịnh D. Ông Trịnh D đồng ý giao lại thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7, diện tích số 1.043m^2 cho bà Trịnh Thị T1 để làm nhà thờ. Tuy nhiên, sau đó ông Trịnh D thay đổi ý kiến, không đồng ý giao đất. Ngày 24/11/2022, UBND xã Đ đã tiến hành hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh D và bà Trịnh Thị A (người được bà T1 ủy quyền) nhưng kết quả hòa giải không thành.

Ông, bà đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh D. Tại thời điểm ông Trịnh D khởi kiện vụ án này, bà không khởi kiện vụ án dân sự về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Trịnh D đối với thửa đất trên.

**** Tại Văn bản trình bày ngày 29/11/2023, bà Trịnh Thị A trình bày:***

Bà gọi bà Trịnh Thị T1 (sinh năm 1946), cư trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi là cô ruột. Thửa đất số 771, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.060m^2 (Bản đồ 299/TTg) nay thuộc Thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7 (Bản đồ đo vẽ năm 2004), diện tích 1.043m^2 (200m^2 đất ở và 843m^2 đất trồng cây hàng năm khác) xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc do ông Trịnh L3 để lại cho con trai là ông Trịnh P1 (Khá) quản lý, sử dụng từ trước năm 1975. Năm 1975, ông Trịnh P1 (Khá) để lại cho con gái là bà Trịnh Thị T1 sử dụng và xây dựng nhà để ở. Năm 1976, bà Trịnh Thị T1 lập gia đình với ông Nguyễn Â1 (sinh năm 1941) và theo chồng về sinh sống tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi thì thửa đất này cô ruột tôi (bà Trịnh Thị T1) để lại cho ông Huỳnh K2 sử dụng đến năm 1996 thì ông Huỳnh K2 chết và ngôi nhà cũng bị sụp đổ vào năm 2004. Sau khi ông Huỳnh K2 chết thì bà T1 tiếp tục sử dụng cho đến nay.

Năm 2021, ông Trịnh D (người khởi kiện) đã xây dựng tường rào cổng ngõ bao chiếm luôn thửa đất trên và sử dụng cho đến nay.

Năm 2022, bà Trịnh Thị T1 phát sinh tranh chấp đất đai với ông Trịnh D. Do bà Trịnh Thị T1 đã lớn tuổi và bị bệnh phải điều trị tại thành phố Hồ Chí Minh nên đã ủy quyền cho bà là Trịnh Thị A (cháu ruột) trong quá trình tranh chấp đất với ông Trịnh D. Ngày 01/9/2022, Tổ hòa giải thôn L đã tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà Trịnh Thị A (người được bà Trịnh Thị T1 ủy quyền) với ông Trịnh D. Ông Trịnh D đã đồng ý giao lại thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.043m^2 cho bà Trịnh Thị T1 để làm nhà thờ. Tuy nhiên, sau đó ông Trịnh D lại thay đổi ý kiến, không đồng ý giao đất. Ngày 24/11/2022, Ủy ban nhân dân xã Đ đã tiến hành hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh D và bà Trịnh Thị A (người được bà Trịnh Thị T1 ủy quyền) nhưng kết quả hòa giải không thành.

Bà đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M cấp cho bà Trịnh Thị T1 và ông Nguyễn Â1 (Bùi Â) vào năm 2005.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 62/2023/HC-ST ngày 27/12/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định*:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 46, Điều 49, Điều 50, Điều 52 Luật Đất đai năm 2003; Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh D về việc yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện M cấp cho bà Trịnh Thị T1, ông Bùi Â (Nguyễn Ân) ngày 18/10/2005 tại thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.043m^2, số vào sổ H111013, số phát hành AD034191, địa chỉ thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/01/2024, ông Trịnh D kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh D; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Trịnh D; nhận thấy:

[1.1]. Theo ông Trịnh D trình bày thì thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.043m^2, tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc do cha ông là ông Trịnh P tạo lập, có diện tích khoảng 2.000m^2 và làm nhà ở, sinh sống từ đó mãi đến nay. Năm 1960, gia đình ông có cho gia đình bác ông là ông Trịnh K đến ở một góc nhỏ trong khu vườn nhà ông. Đến năm 1963**,** bác ông là ông Trịnh K chết, các con của ông Trịnh K có chồng ở nơi khác nên đến năm 1973, gia đình ông K không còn ai sinh sống trên thửa đất. Đối với ông Huỳnh K2 là con nuôi của ông nội ông, cha mẹ ông có cho ở tạm, ông K2 làm một xum nhà nhỏ ở trong góc vườn vì ông không có vợ con. Năm 1996, ông K2 chết, xum nhà xiêu vẹo sụp đổ nên ông đã thu dọn và không còn ai sinh sống trên thửa đất này.

Tuy nhiên ông Trịnh D không có tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất có nguồn gốc do cha ông tạo lập và để lại cho ông; ông cũng không thực hiện việc đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 771, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.060m^2 (nay là thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.043m^2)**,** xã Đ theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Tại Biên bản làm việc với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M ngày 28/7/2023, ông Trịnh D trình bày: Nguyên thửa đất mà ông quản lý, sử dụng có nguồn gốc là do cha ông là ông Trịnh P để lại cho gia đình ông quản lý, sử dụng xây dựng nhà ở từ năm 1989. Quá trình sử dụng đất, ông Trịnh D kê khai và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/1997 tại thửa đất số 770, tờ bản đồ số 17, diện tích 780m^2 và được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/10/2005 cho ông Trịnh D, bà Nguyễn Thị T4 đứng tên tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 7, diện tích 829m^2 và quản lý sử dụng đến nay. Trình bày của ông Trịnh D tại buổi làm việc trên phù hợp với hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận của ông Trịnh D đối với thửa đất số 770, tờ bản đồ số 17 (nay là thửa đất số 105, tờ bản đồ số 7).

Như vậy, trong quá trình đăng ký, kê khai và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Trịnh D chỉ đăng ký, kê khai đối với thửa đất số 770, tờ bản đồ số 17 (nay là thửa đất số 105, tờ bản đồ số 7); không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 771, tờ bản đồ số 17 (bản đồ 299/TTg); hộ

ông Trịnh D cũng không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

[1.3]. Theo kết quả thẩm tra, xác minh của UBND xã Đ được thể hiện tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 24/11/2022 (bút lục 80, 81); thửa đất số 771, tờ bản đồ số 17 (bản đồ 299/TTg) nay là thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7 (bản đồ đo vẽ năm 2004) của xã Đ có nguồn gốc thuộc quyền sử dụng của ông Trịnh L3 để lại cho con trai là ông Trịnh P1 (Khá) quản lý, sử dụng từ trước năm 1975. Năm 1975, ông Trịnh P1 (Khá) để lại cho con gái là bà Trịnh Thị T1 sử dụng. Năm 1976, bà Trịnh Thị T1 lập gia đình và theo chồng về ở xã Đ, huyện M, thửa đất trên bà T1 để lại cho ông Huỳnh K2 sử dụng tạm, đến năm 1996 thì ông Huỳnh K2 chết, đất bà Trịnh Thị T1 tiếp tục sử dụng đến nay. Thực hiện Dự án đa dạng hóa Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn xã Đ, bà Trịnh Thị T1 kê khai đăng ký và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 034191, số vào sổ H.11013, cấp ngày 18/10/2005, tại thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7 (bản đồ đo vẽ năm 2004), diện tích 1.043m^2, trong đó có 200m^2 đất ở lâu dài và 843m^2 đất trồng cây hàng năm khác và quản lý sử dụng đến nay.

[1.4]. Về kê khai, đăng ký:

- Theo Sổ mục kê đăng ký ruộng đất năm 2006 thể hiện, hộ bà Trịnh Thị T1 là chủ sử dụng thửa đất 967, hộ ông Trịnh D là chủ sử dụng thửa đất số 105.

- Thửa đất số 967, diện tích 1.043m^2, tờ bản đồ số 7, xã Đ được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trịnh Thị T1 ngày 18/10/2005 theo Dự án đa dạng hóa Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thửa đất số 770, tờ bản đồ số 17, diện tích 780m^2, được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00893QSDĐ/1128/QĐUB(H), ngày 31/12/1997 cho hộ ông Trịnh D; đến ngày 18/10/2005, UBND huyện M cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh D, bà Nguyễn Thị T4 tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 7, diện tích 829m^2 theo Dự án đa dạng hóa Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

[1.5]. Với tài liệu chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh D là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông D kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có sơ sở chấp nhận; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên ông là người cao tuổi và có đơn xin miễm án phí, nên đủ điều kiện để miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Trịnh D; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 62/2023/HC-ST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Trịnh D được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào